

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Số: 87/2022/MHC

V/v: "BCTC 06 tháng đầu năm 2022 đã soát xét
- Hợp nhất và CV giải trình"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần MHC

Mã chứng khoán: MHC

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0243.5770810

Fax: 0243.5770814

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Huy Quảng

Địa chỉ: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024 35770810

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2022 đã soát xét – Hợp nhất và Công văn giải trình.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/08/2022 tại đường dẫn www.mhc.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC 06 tháng đầu năm 2022 đã soát xét – Hợp nhất;
- Công văn giải trình số 85/2022/MHC.

**Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Huy Quảng

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MHC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần MHC là loại hình công ty cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 056428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1998 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715).

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100793715, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 18/5/2020. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Bá Huy	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Việt Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Bá Huy	Chủ tịch HĐQT - Đại diện theo pháp luật của Công ty
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Quảng	Kế toán trưởng

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/6/2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 36, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



PHẠM BÁ HUY

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022



Số: 016/2022/BCSXHN-HT.00051

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MHC

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần MHC (gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con ("sau đây được gọi chung là Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 8 năm 2022, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 1673-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2022	01/01/2022
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		896.852.212.184	1.175.035.559.066
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	29.399.007.488	142.180.441.420
Tiền	111		29.399.007.488	142.180.441.420
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	293.457.004.943	588.736.040.606
Chứng khoán kinh doanh	121		325.613.837.273	620.010.316.349
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(32.156.832.330)	(31.274.275.743)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		560.801.298.542	430.998.934.238
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	7.107.650.448	5.151.808.287
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	17.410.673.849	17.989.641.064
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	80.003.300.000	325.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	458.936.902.085	85.514.712.727
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(2.657.227.840)	(2.657.227.840)
Hàng tồn kho	140		249.026.364	358.106.364
Hàng tồn kho	141		249.026.364	358.106.364
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.945.874.847	12.762.036.438
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	227.364.325	216.406.928
Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.918.225.022	11.762.137.177
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	800.285.500	783.492.333
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		306.071.396.431	299.678.289.172
Các khoản phải thu dài hạn	210		34.026.477.002	33.125.566.672
Phải thu dài hạn khác	216	5.6	34.026.477.002	33.125.566.672
Tài sản cố định	220	5.8	8.869.995.537	10.278.766.273
Tài sản cố định hữu hình	221		8.869.995.537	10.278.766.273
- Nguyên giá	222		25.859.139.674	25.694.512.112
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.989.144.137)	(15.415.745.839)
Tài sản dở dang dài hạn	240		181.568.855.000	194.505.932.817
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	181.568.855.000	194.505.932.817
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	81.606.068.892	61.768.023.410
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		656.068.892	818.023.410
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		80.950.000.000	60.950.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.202.923.608.615	1.474.713.848.238

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2022	01/01/2022
NỢ PHẢI TRẢ	300		692.993.276.000	905.744.738.668
Nợ ngắn hạn	310		112.042.637.525	272.748.974.472
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	14.545.974.934	12.768.666.787
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		52.745.792	52.745.792
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	2.855.765.108	11.660.213.895
Phải trả người lao động	314		1.173.131.851	1.729.820.797
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	30.566.781.342	26.806.591.283
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	22.324.468.559	163.730.851.103
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	38.056.243.490	53.334.952.471
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.467.526.449	2.665.132.344
Nợ dài hạn	330		580.950.638.475	632.995.764.196
Phải trả dài hạn khác	337	5.15	118.400.028	118.400.028
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	576.250.781.158	629.181.789.730
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.16	4.581.457.289	3.695.574.438
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		509.930.332.615	568.969.109.570
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	509.930.332.615	568.969.109.570
Vốn góp của chủ sở hữu	411		414.069.640.000	414.069.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		414.069.640.000	414.069.640.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		28.614.580.000	28.614.580.000
Cổ phiếu quỹ	415		(1.200.000)	(1.200.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		9.344.183.063	9.344.183.063
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.481.256.543	113.215.105.288
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		113.215.105.288	64.838.519.733
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(58.733.848.745)	48.376.585.555
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.421.873.009	3.726.801.219
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.202.923.608.615	1.474.713.848.238

Người lập biểu




LÊ THỊ LAN HƯƠNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HUY QUẢNG

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022
Chủ tịch Hội đồng quản trị


PHẠM BÁ HUY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	9.641.218.781	10.757.609.425
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV	10		9.641.218.781	10.757.609.425
Giá vốn hàng bán	11	6.2	9.618.660.911	8.406.775.924
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.557.870	2.350.833.501
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	52.669.302.735	251.999.861.380
Chi phí tài chính	22	6.4	103.204.405.915	98.893.823.512
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.377.498.174	12.911.278.051
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(161.954.518)	830.514.534
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	6.535.770.717	3.152.806.095
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(57.210.270.545)	153.134.579.808
Thu nhập khác	31	6.5	160.050.000	1.644.967.678
Chi phí khác	32	6.6	1.102.673.559	452.018.100
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(942.623.559)	1.192.949.578
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(58.152.894.104)	154.327.529.386
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	30.034.701.669
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	885.882.851	(515.071.118)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(59.038.776.955)	124.807.898.835
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(58.733.848.745)	124.042.270.469
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(304.928.210)	765.628.366
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	(1.418)	2.996
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	(1.418)	2.996

Người lập biểu

LÊ THỊ LAN HƯƠNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN HUY QUẢNG

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị



PHẠM BÁ HUY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		(58.152.894.104)	154.327.529.386
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.573.398.298	665.851.380
Các khoản dự phòng	03		882.556.587	(19.282.743.358)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(64.955.536)	(52.840.604)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.412.289.925)	(18.874.239.418)
Chi phí lãi vay	06		26.377.498.174	12.911.278.051
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(41.796.686.506)	129.694.835.437
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(16.541.024.776)	(44.552.424.568)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		109.080.000	-
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(138.576.613.308)	53.334.845.308
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(10.957.397)	(509.521.941)
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		294.396.479.076	287.398.879.986
Tiền lãi vay đã trả	14		(20.772.859.888)	(23.435.816.271)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.125.326.570)	(1.246.316.328)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(197.605.895)	(177.683.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		65.484.484.736	400.506.798.623
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(342.259.531.501)	(161.169.151.784)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		53.175.091.581	5.496.823.125
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(356.000.000.000)	(558.696.900.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		517.996.700.000	381.795.990.639
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		38.715.860.468	28.273.217.421
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(108.371.879.452)	(304.300.020.599)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	700.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	411.796.304.383	1.026.195.259.820
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(481.690.396.364)	(1.006.192.211.097)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(69.894.091.981)	20.703.048.723
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		142.180.441.420	12.482.983.503
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		52.765	(8.442)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		29.399.007.488	129.392.801.808

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022
Chủ tịch Hội đồng quản trị


LÊ THỊ LAN HƯƠNG



NGUYỄN HUY QUẢNG




PHẠM BÁ HUY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần MHC là loại hình công ty cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 056428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1998 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715).

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100793715, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 18/5/2020. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Tập đoàn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

Những hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ giao nhận kho vận hàng hóa;
- Buôn bán xuất khẩu và nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Lai dắt tàu biển, bốc xếp hàng hóa và container;
- Đại lý Hàng hải;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thuê hải quan.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc tập đoàn

a) Tại ngày 30/6/2022, Tập đoàn có 03 công ty con (tại ngày 01/01/2022: 03 công ty con)

- Số lượng các Công ty được hợp nhất: 03 công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30/6/2022 là 33 người (tại ngày 31/12/2021 là: 35 người).

b) Các công ty con được hợp nhất:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư MHC	Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, P.Lê Đại Hành, Q.Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội	99,00%	99,00%
2	Công ty Cổ phần MHC Land	Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, P.Lê Đại Hành, Q.Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội	99,00%	99,00%
3	Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	Tầng 6, tòa nhà Hải An, đường Đinh Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng	100,00%	100,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- c) Các Công ty liên doanh liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
1	Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam (*)	Số 144-146 đường Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. HCM	51,00%	51,00%

- (*) Công ty Cổ phần MHC sở hữu 51,00% vốn góp của Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam, tuy nhiên điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” thay vì “Đầu tư vào các công ty con”.

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét, và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tập đoàn đã được kiểm toán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc ngày 30/6/2022

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng - Công ty Cổ phần MHC và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tập đoàn với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ tài chính giữa niên độ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc.

Giá trị hợp lý/giá thị trường của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính;
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập chung tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu doanh nghiệp nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Tập đoàn và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

- Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.7 Tài sản cố định hữu hình****Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 năm
- Tài sản cố định khác 05 năm

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

4.9 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.10 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả, lãi trái phiếu phát hành và các khoản chi phí phải trả khác.

4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phân ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.13 Trái phiếu thường

Trái phiếu thường của Tập đoàn là trái phiếu ngang giá được ghi nhận bằng mệnh giá trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm mệnh giá của trái phiếu. Định kỳ, kế toán phân bổ chi phí phát hành trái phiếu bằng cách ghi tăng giá trị mệnh giá trái phiếu và ghi nhận vào chi phí tài chính phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Lãi trái phiếu được tính định kỳ và ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Cổ phiếu quỹ:**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16 Doanh thu và thu nhập**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.17 Chi phí****Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

4.20 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền**

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	397.428.255	444.282.691
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.001.579.233	141.736.158.729
Cộng	29.399.007.488	142.180.441.420

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Chứng khoán kinh doanh**

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng giá trị cổ phiếu	325.613.837.273	281.486.941.250	320.010.316.349	179.598.241.250
TCT Cổ phần Đầu tư và Phát triển KCN Dầu khí - Long Sơn	43.815.625.000	24.975.000.000 (18.840.625.000)	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	42.841.899.546	35.581.000.000 (7.260.899.546)	62.349.569.561	61.052.031.750 (1.500.840.000)
Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty Cổ phần	122.494.500.000	137.631.134.250	-	5.249.977.500
Giá trị cổ phiếu khác	116.461.812.727	83.299.807.000 (6.055.307.784)	257.660.746.788	113.296.232.000 (29.773.435.743)
Tổng giá trị trái phiếu	-	-	300.000.000.000	-
Trái phiếu Công ty CP Đầu tư Nước Sạch và Môi Trường ECO&MORE	-	-	300.000.000.000	(*)
Cộng	325.613.837.273	281.486.941.250	620.010.316.349	179.598.241.250
		(32.156.832.330)		(31.274.275.743)

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Số dư tại ngày 01/01/2022	(31.274.275.743)
Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ	(36.718.463.231)
Hoàn nhập dự phòng	35.835.906.644
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	(32.156.832.330)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**b.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
+ Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam	1.734.000.000	656.068.892	1.734.000.000	818.023.410
Cộng	1.734.000.000	656.068.892	1.734.000.000	818.023.410

Biến động các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Số dư tại ngày 01/01/2022	818.023.410
Thay đổi do hợp nhất	-
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết trong kỳ	(161.954.518)
Số dư tại ngày 30/6/2022	656.068.892

Thông tin về các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết của Tập đoàn tại ngày 30/6/2022 được trình bày tại Thuyết minh số 1.5.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***b.2 Đầu tư vào đơn vị khác**

	30/6/2022		01/01/2022			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Giải trí và Truyền thông MHC	950.000.000	-	(*)	950.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	-	(*)	10.000.000.000	-	(*)
Quý Đầu tư Hạ tầng Red One (R1F)	50.000.000.000	-	(*)	50.000.000.000	-	(*)
Quý Đầu tư Cổ phiếu tăng trưởng (R2F)	20.000.000.000	-	(*)	-	-	-
CỘNG	80.950.000.000	-		60.950.000.000	-	

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

- Thông tin về các khoản đầu tư vào Đơn vị khác của Tập đoàn tại ngày 30/6/2022:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Giải trí và Truyền thông MHC	Tầng 18, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	19,00%	19,00%	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình
2	Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, toà nhà Hải An, Km 2 đường Đĩnh Vĩ, Phường Đồng Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	5,00%	5,00%	Dịch vụ vận tải
3	Quý Đầu tư Hạ tầng Red One (R1F)	Phòng 4, Lầu 9, The Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	15,625%	15,625%	Đầu tư tài chính
4	Quý Đầu tư Cổ phiếu tăng trưởng (R2F)	Phòng 4, Lầu 9, The Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	15,385%	15,385%	Đầu tư tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty Cổ Phần Sản xuất và Thương mại P.P	3.700.461.278	2.161.348.793
Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An	767.701.614	717.759.530
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.639.487.556	2.272.699.964
Cộng	7.107.650.448	5.151.808.287

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty CP Đầu tư BĐS STAR BEACH LAND	3.465.250.314	3.465.250.314
Công ty Cổ phần FREELAND	13.754.207.535	13.754.207.535
Các khoản trả trước cho người bán khác	191.216.000	770.183.215
Cộng	17.410.673.849	17.989.641.064

5.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu về cho cá nhân vay ngắn hạn	80.003.300.000	325.000.000.000
Cộng	80.003.300.000	325.000.000.000

(*) Các khoản cho cá nhân vay tín chấp ngắn hạn có lãi suất.

5.6. Phải thu khác

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Phải thu người lao động	10.556.206.824	-	381.105.813	-
Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	2.137.347.800	-
Phải thu tiền đặt cọc mua cổ phần	113.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Phải thu tiền đặt cọc mua BĐS	300.000.000.000	-	-	-
Lãi trái phiếu, tiền gửi, tiền cho vay	2.406.290.412	-	27.445.232.878	-
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh	22.431.000.000	-	20.848.000.000	-
Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội Phía Nam	1.330.893.473	(1.330.893.473)	1.330.893.473	(1.330.893.473)
Các khoản chi hộ	3.661.106.448	-	2.895.173.688	-
Phải thu khác	5.531.404.928	(312.424.867)	476.959.075	(312.424.867)
Cộng	458.936.902.085	(1.643.318.340)	85.514.712.727	(1.643.318.340)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Dài hạn	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	34.026.477.002	-	33.125.566.672	-
Phải thu khác	-	-	-	-
Cộng	34.026.477.002	-	33.125.566.672	-

5.7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	30/6/2022		Thời gian quá hạn	01/01/2022	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội Phía Nam (SHMC)	Trên 3 năm	1.330.893.473	-	Trên 3 năm	1.330.893.473	-
Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức CN Công ty CP vận tải dầu khí Việt Nam tại HP (Falcon HPG)	Trên 3 năm	312.424.867	-	Trên 3 năm	312.424.867	-
Công ty CP SX kính Quảng Ninh	Trên 3 năm	379.608.500	-	Trên 3 năm	379.608.500	-
Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Ngọc Vy	Trên 3 năm	157.200.000	-	Trên 3 năm	157.200.000	-
Các khoản nợ xấu và nợ khó đòi khác	Trên 3 năm	144.980.000	-	Trên 3 năm	144.980.000	-
Cộng		2.657.227.840	-		2.657.227.840	-

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Số dư tại ngày 01/01/2022	(2.657.227.840)
Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ	-
Hoàn nhập dự phòng	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	(2.657.227.840)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư 01/01/2022	25.080.426.513	310.165.599	303.920.000	25.694.512.112
Mua trong năm		164.627.562		164.627.562
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư 30/6/2022	<u>25.080.426.513</u>	<u>474.793.161</u>	<u>303.920.000</u>	<u>25.859.139.674</u>
Giá trị đã hao mòn lũy kế				
Số dư 01/01/2022	15.231.329.477	151.322.853	33.093.509	15.415.745.839
Khấu hao trong kỳ	1.507.685.528	35.320.772	30.391.998	1.573.398.298
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư 30/6/2022	<u>16.739.015.005</u>	<u>186.643.625</u>	<u>63.485.507</u>	<u>16.989.144.137</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2022	9.849.097.036	158.842.746	270.826.491	10.278.766.273
Tại ngày 30/6/2022	<u>8.341.411.508</u>	<u>288.149.536</u>	<u>240.434.493</u>	<u>8.869.995.537</u>

(*) Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.527.458.157 đồng

5.9. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Dự án nhà văn phòng	181.568.855.000	194.505.932.817
Cộng	<u>181.568.855.000</u>	<u>194.505.932.817</u>

5.10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	39.326.455	55.162.102
Các khoản khác	188.037.870	161.244.826
Cộng	<u>227.364.325</u>	<u>216.406.928</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.11. Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2022		Trong kỳ		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
+ Vay ngắn hạn	38.056.243.490	38.056.243.490	411.796.304.383	421.690.396.364	47.950.335.471	47.950.335.471
+ Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	5.384.617.000	5.384.617.000	5.384.617.000
Cộng	38.056.243.490	38.056.243.490	411.796.304.383	427.075.013.364	53.334.952.471	53.334.952.471
b) Vay dài hạn						
+ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (*)	76.311.785.727	76.311.785.727	-	54.615.383.000	130.927.168.727	130.927.168.727
+ Trái phiếu phát hành (**)	499.938.995.431	499.938.995.431	1.684.374.428	-	498.254.621.003	498.254.621.003
Cộng	576.250.781.158	576.250.781.158	1.684.374.428	54.615.383.000	629.181.789.730	629.181.789.730

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng tín dụng SGO202113391192/HDTD ngày 20/4/2021. Số tiền vay 76.311.785.727 đồng; thời hạn vay 180 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; lãi suất theo khung ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay.

(**) Chi tiết trái phiếu phát hành theo mệnh giá

	30/6/2022			01/01/2022		
	Giá trị VND	Lãi suất Năm	Kỳ hạn	Giá trị VND	Lãi suất Năm	Kỳ hạn
+ Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư MHC phát hành ngày 29/5/2020 (i)	199.938.995.431	10%/năm	03 năm	199.905.936.071	10%/năm	03 năm
+ Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư MHC phát hành ngày 01/7/2021 (ii)	300.000.000.000	9,4%/năm	05 năm	298.348.684.932	9,4%/năm	05 năm
Cộng	499.938.995.431			498.254.621.003		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- (i) Chi tiết Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư MHC - Công ty con phát hành ngày 29/5/2020

Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư MHC
 Tổng mệnh giá: 200.000.000.000 VND
 Chi phí phát hành trái phiếu: (61.004.569) VND
 Trị giá trái phiếu: 199.938.995.431
 Số lượng: 2.000 trái phiếu
 Ngày phát hành: 29/5/2020
 Ngày đáo hạn: 29/5/2023

- (ii) Chi tiết Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư MHC - Công ty con phát hành ngày 01/7/2021

Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư MHC
 Tổng mệnh giá: 300.000.000.000 VND
 Trị giá trái phiếu: 300.000.000.000 VND
 Số lượng: 3.000 trái phiếu
 Ngày phát hành: 7/1/2021
 Ngày đáo hạn: 7/1/2026

5.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	988.817.357	988.817.357	988.817.357	988.817.357
Công ty CP TM Dầu Khí Cừu Long	-	-	405.150.000	405.150.000
CN Cty CP Xăng dầu chất đốt Hà Nội tại Hải Phòng	969.289.491	969.289.491	627.711.851	627.711.851
Công ty TNHH Tuần Châu	20.844.000	20.844.000	996.199.746	996.199.746
Công ty Cổ Phần Thương Mại và DV vận tải Hà Trung	2.713.061.091	2.713.061.091	817.832.722	817.832.722
Công ty cổ phần tập đoàn Ecopark	5.339.349.352	5.339.349.352	5.339.349.352	5.339.349.352
Phải trả cho các đối tượng khác	4.514.613.643	4.514.613.643	3.593.605.759	3.593.605.759
Cộng	14.545.974.934	14.545.974.934	12.768.666.787	12.768.666.787

5.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

a) Phải nộp

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/6/2022
	VND			VND
Thuế giá trị gia tăng	596.836.151	2.891.266.237	692.101.688	2.796.000.700
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.555.326.570	-	10.555.326.570	-
Thuế thu nhập cá nhân	508.051.174	222.530.796	670.817.562	59.764.408
Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
Cộng	11.660.213.895	3.122.797.033	11.927.245.820	2.855.765.108

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Phải thu

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	574.072.153	1.144.072.153	570.000.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	177.420.113	-	570.000.000	747.420.113
Thuế thu nhập cá nhân	32.000.067	18.671.293	39.536.613	52.865.387
Cộng	783.492.333	1.162.743.446	1.179.536.613	800.285.500

5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	29.953.424.654	26.051.506.847
Các khoản trích trước khác	613.356.688	755.084.436
Cộng	30.566.781.342	26.806.591.283

5.15. Phải trả khác

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết		
Kinh phí công đoàn	216.035.081	212.754.975
Bảo hiểm xã hội	15.975.000	-
Bảo hiểm y tế	3.088.350	-
Bảo hiểm thất nghiệp	639.000	-
Phải trả về cổ phần hoá		
Nhận tiền hợp tác đầu tư	19.018.392.000	160.499.292.000
Công ty CP quản lý và Kinh doanh bất động sản Hà nội	1.503.000.000	1.503.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.035.833.150	1.035.833.150
Các khoản phải trả, phải nộp khác	531.505.978	479.970.978
Cộng	22.324.468.559	163.730.851.103
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	118.400.028	118.400.028
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
Cộng	118.400.028	118.400.028

5.16. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	4.581.457.289	3.695.574.438
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Cộng	4.581.457.289	3.695.574.438

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.17. Vốn chủ sở hữu**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2021	414.069.640.000	28.614.580.000	(1.200.000)	9.344.183.063	64.838.519.733	2.564.768.175	519.430.490.971
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	700.000.000	700.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	48.376.585.555	462.033.044	48.838.618.599
Số dư 01/01/2022	414.069.640.000	28.614.580.000	(1.200.000)	9.344.183.063	113.215.105.288	3.726.801.219	568.969.109.570
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	(58.733.848.745)	(304.928.210)	(59.038.776.955)
Số dư 30/6/2022	414.069.640.000	28.614.580.000	(1.200.000)	9.344.183.063	54.481.256.543	3.421.873.009	509.930.332.615

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Vốn góp của các cổ đông	414.069.640.000	414.069.640.000
Cộng	414.069.640.000	414.069.640.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	414.069.640.000	414.069.640.000
+ Vốn góp đầu năm	414.069.640.000	414.069.640.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	414.069.640.000	414.069.640.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.406.964	41.406.964
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.406.964	41.406.964
+ Cổ phiếu phổ thông	41.406.964	41.406.964
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	120	120
+ Cổ phiếu phổ thông	120	120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.406.844	41.406.844
+ Cổ phiếu phổ thông	41.406.844	41.406.844
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

đ) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ tài chính:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

5.18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2022		01/01/2022	
	Ngoại tệ	Tương đương VND	Ngoại tệ	Tương đương VND
USD	109,38	2.523.466	109,38	2.470.701

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng công nợ	Nguyên nhân	30/6/2022		01/01/2022	
		Năm xóa sổ	Giá trị VND	Năm xóa sổ	Giá trị VND
+ Công ty TNHH Vận tải Sông Đào	Nợ đọng lâu ngày	2018	328.000.000	2018	328.000.000
+ Công ty TNHH TM DV Phong Châu	Nợ đọng lâu ngày	2018	84.000.000	2018	84.000.000
+ Công ty XD Công trình Đường thủy II	Nợ đọng lâu ngày	2018	45.000.000	2018	45.000.000
+ Tàu ACHIEVER	Nợ đọng lâu ngày	2018	447.223.065	2018	447.223.065
+ Công ty GNVN Quyết Tiến	Nợ đọng lâu ngày	2018	238.100.000	2018	238.100.000
+ Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam	Nợ đọng lâu ngày	2018	218.016.797	2018	218.016.797
+ Công ty TNHH VT hàng công nghệ cao (Transvina)	Nợ đọng lâu ngày	2018	110.000.000	2018	110.000.000
+ Tàu OCEAN PARK	Nợ đọng lâu ngày	2018	2.356.396	2018	2.356.396
+ Bransford International Ltd	Nợ đọng lâu ngày	2013	1.510.085.635	2013	1.510.085.635
+ Far Shipping Lines Pte Ltd	Nợ đọng lâu ngày	2013	832.800.000	2013	832.800.000
+ Công ty Obayashi Việt Nam	Nợ đọng lâu ngày	2013	671.955.900	2013	671.955.900
+ Công ty TNHH Đèn hình Orion Hanel	Doanh nghiệp phá sản	2012	1.007.000.000	2012	1.007.000.000
+ Tổng Công ty Xây dựng số 1	Nợ đọng lâu ngày	2012	353.441.000	2012	353.441.000
+ Bùi Tiến Học	Nợ đọng lâu ngày	2020	25.500.000	2020	25.500.000
+ Các khoản công nợ khó đòi khác	Nợ đọng lâu ngày	2012	1.406.380.106	2012	1.406.380.106
Cộng			7.279.858.899		7.279.858.899

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.641.218.781	10.757.609.425
Cộng	9.641.218.781	10.757.609.425

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
6.2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.618.660.911	8.406.775.924
Cộng	9.618.660.911	8.406.775.924
6.3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.636.918.002	11.550.997.611
Lãi bán các khoản đầu tư	38.927.429.197	233.926.023.165
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.040.000.000	6.470.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	64.955.536	52.840.604
Cộng	52.669.302.735	251.999.861.380
6.4. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	26.377.498.174	12.911.278.051
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	75.937.699.340	99.083.099.453
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	36.787.850.662	14.283.965.926
Chi phí tài chính khác	6.651.814	1.666.006.347
Các khoản hoàn nhập dự phòng	(35.905.294.075)	(29.050.526.265)
Cộng	103.204.405.915	98.893.823.512
6.5. Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	22.727.273
Tiền phạt thu được	160.000.000	1.582.049.380
Các khoản khác	50.000	40.191.025
Cộng	160.050.000	1.644.967.678
6.6. Chi phí khác		
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.102.673.559	-
Các khoản bị phạt	-	118.100
Các khoản khác	-	451.900.000
Cộng	1.102.673.559	452.018.100

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.852.620.953	3.383.657.468
Chi phí đồ dùng văn phòng	434.594.128	603.858.258
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.226.764.292	287.893.302
Thuế, phí và lệ phí	26.610.068	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.273.703.128	2.939.118.500
Chi phí khác bằng tiền	721.478.148	448.461.586
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(4.516.183.019)
Cộng	6.535.770.717	3.152.806.095

6.8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.688.110.882	1.973.336.548
Chi phí nhân công	4.455.441.353	4.827.121.424
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.573.398.298	665.851.380
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.008.868.507	8.150.482.100
Chi phí khác bằng tiền	721.478.148	458.973.586
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(4.516.183.019)
Cộng	15.447.297.188	11.559.582.019

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuyết minh	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	30.034.701.669
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	30.034.701.669

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuyết minh	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	885.882.851	78.950.347
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(594.021.465)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	885.882.851	(515.071.118)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.11. Lãi trên cổ phiếu**

	Đơn vị tính	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	(58.733.848.745)	124.042.270.469
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	VND	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	(58.733.848.745)	124.042.270.469
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quần trong năm	Cổ phần	41.406.844	41.406.844
Lãi trên cổ phiếu			
+ Lãi cơ bản	VND/Cổ phần	(1.418)	2.996
+ Lãi suy giảm	VND/Cổ phần	(1.418)	2.996

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	28.800.000.000	76.311.785.727
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	382.996.304.383	949.883.474.093
Cộng	411.796.304.383	1.026.195.259.820

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	88.800.000.000	-
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	392.890.396.364	1.006.192.211.097
Cộng	481.690.396.364	1.006.192.211.097

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***8.2 Thông tin về các bên liên quan**

a) Thông tin về các bên liên quan

TT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Đầu tư MHC	Công ty con
2	Công ty Cổ phần MHC Land	Công ty con
3	Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	Công ty con
4	Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam	Công ty liên doanh liên kết
5	Quý Đầu tư Hạ tầng Red One (R1F)	Đầu tư khác, có cùng chủ tịch
6	Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Quản lý chủ chốt của Công ty

b) Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
Ông Phạm Bá Huy	Chủ tịch HĐQT	647.718.600	662.700.000
Bà Nguyễn Thị Thủy Linh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	166.320.000	241.120.000
Ông Lê Việt Dũng	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Tú Uyên	Thành viên HĐQT	-	29.600.000
Bà Nguyễn Thúy Nga (miễn nhiệm ngày 03/6/2022)	Trưởng ban KS	22.064.516	24.000.000
Bà Nguyễn Tú Uyên	Trưởng ban KS	6.064.516	-
Bà Trần Thị Nhiên	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Thơm	Thành viên BKS	9.935.484	12.000.000
Ông Nguyễn Huy Quảng	Kế toán trưởng	197.785.800	209.496.000
Cộng		1.109.888.916	1.238.916.000

8.3 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính vì Ban Tổng giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Tập đoàn không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của chuẩn mực kế toán.

Tập đoàn hiện chỉ hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực là vận chuyển hàng hóa bằng container và khu vực địa lý duy nhất tại Việt Nam.

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị






LÊ THỊ LAN HƯƠNG

NGUYỄN HUY QUẢNG

PHẠM BÁ HUY

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Số: 857/2022/MHC

V/v: "Giải trình BCTC 06 tháng đầu năm 2022
đã soát xét – Hợp nhất"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần MHC (Mã chứng khoán MHC) giao dịch trên Sở GDCK TP.HCM, xin được giải trình kết quả kinh doanh trên BCTC 06 tháng đầu năm 2022 (Hợp nhất) đã được soát xét như sau:

Kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2022 (Hợp nhất) đã được soát xét:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 06 tháng đầu năm 2022:	9.641.218.781 VNĐ
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 06 tháng đầu năm 2021:	10.757.609.425 VNĐ
- Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2022:	- 59.038.776.955 VNĐ
- Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2021:	124.807.898.835 VNĐ

Giải trình kết quả kinh doanh hợp nhất 06 tháng đầu năm 2022 đã được soát xét của Công ty:

Lợi nhuận hợp nhất 06 tháng đầu năm 2022 giảm và bị lỗ so với cùng kỳ năm ngoái là do: Doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2022 giảm đồng thời Chi phí hoạt động tài chính (dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh) tăng so với cùng kỳ năm trước. Sự biến động này chủ yếu phát sinh từ hoạt động đầu tư tài chính, kinh doanh chứng khoán.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban KS;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

M.S.D.N.: 0100793715 - C.T.C.P.

CÔNG TY
CỔ PHẦN
MHC

Q. HÀI BÀ TRUNG - TP. HÀ NỘI

CHỦ TỊCH HĐQT
Phạm Bá Huy